Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8704.90

Mã HS	8704.90
Mô tả hàng hóa	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	04/11/2026 19:52:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/870490/

6 dòng thuế thuộc 8704.90

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
8704.90.10	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác: / - - Dạng CKD (SEN)	chiếc	150% thuế MFN	Theo hướng dẫn tại khoản 1.1 Chương 98	8 / 10 (nhiều mức)
8704.90.91	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) không quá 5 tấn	chiếc	105%	70%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.90.92	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 5 tấn nhưng không quá 10 tấn	chiếc	105%	70%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.90.93	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 10 tấn nhưng không quá 20 tấn	chiếc	105%	70%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.90.94	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn	chiếc	37,5%	25%	8 / 10 (nhiều mức)
8704.90.95	Xe có động cơ dùng để chở hàng / - Loại khác: / - - Loại khác: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (SEN) trên 45 tấn	chiếc	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.